TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 27-5 -2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD

Người đại diện: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1978 – Chủ hộ kinh doanh.

Nơi đăng ký kinh doanh: Tổ 6, ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Lê Thị S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Vào năm 2019 ông Phan Văn S (gọi tắt là ông S) có đến Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD (gọi tắt là vật liệu xây dựng TD) để mua vật liệu xây dựng về cất nhà ở còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng. Khi chốt nợ các bên có thỏa thuận ông S phải chịu lãi chậm trả tiền với mức lãi suất là 3%/tháng, tuy nhiên cho đến nay ông S không trả nợ và cũng không trả tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện ông Đỗ Minh T yêu cầu ông S phải trả một lần số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu ông S trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/8/2019 tạm tính đến ngày 31/5/2023 với lãi suất 1,5%/tháng bằng số tiền 48.300.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi 1,5%/tháng cho đến ngày trả xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn yêu cầu ông S trả số tiền nợ 70.000.000 đồng và yêu cầu ông S trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất được pháp luật cho phép tính từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày xét xử là ngày 27/5/2024 và yêu cầu tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất pháp luật cho phép đến ngày thanh toán xong số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn S không có yêu cầu phản tố và tại biên bản ghi lời ông S có ý kiến trình bày như sau:

Ông Phan Văn S thừa nhận có mua vật liệu xây dựng của vật liệu xây dựng TD và hiện nay còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng. Do sau khi xây dựng nhà xong gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bản thân ông S bị lâm bệnh nên mất khả năng trả nợ. Hiện nay căn nhà mới xây dựng đã bị người khác lấy để cấn trừ nợ, bản thân ông và gia đình không có thu nhập để trả nợ theo yêu cầu của vật liệu xây dựng TD.

Ông S đề nghị cửa hàng vật liệu xây dựng TD không tính tiền lãi phát sinh. Đối với số nợ 70.000.000 đồng khi nào có điều kiện thì ông S sẽ thực hiện trả dần mỗi lần một ít vì đến nay không có khả năng trả nợ số tiền lớn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Các đương sự cùng xác định vào năm 2019 ông S có mua vật liệu xây dựng tại vật liệu xây dựng TD và hiện còn nợ số tiền là 70.000.000 đồng.

Không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu ông S trả số tiền 70.000.000 đồng tiền lãi chậm trả tiền tính từ 01/8/2019 cho đến ngày trả xong nợ với mức lãi suất 1,5%/tháng. Ông S xác định không còn khả năng trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Chứng cứ thu thập được:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 61 phiếu xuất kho kiêm bán hàng; 02 phiếu khách hàng trả hàng; 01 phiếu khách hàng đặt hàng.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt sau khi đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông S.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD xác định vào năm 2019 ông S có đến vật liệu xây dựng T mua vật liệu xây dựng để cất nhà ở và còn thiếu nợ số tiền 70.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ xác định số nợ gồm có 61 phiếu xuất kho kiêm bán hàng trong đó phiếu xuất kho kiêm bán hàng

cuối cùng được xác lập vào ngày 02/7/2019, 02 phiếu khách hàng trả hàng; 01 phiếu khách hàng đặt hàng (Từ BL 01 đến BL 91), các chứng cứ thể hiện có chữ ký xác nhận nợ của ông S khi nhận hàng. Trong biên bản ghi lời khai ông S cũng xác nhận có mua vật liệu xây dựng của vật liệu xây dựng T và hiện nay còn nợ số tiền mua bán 70.000.000 đồng. Như vậy có cơ sở để xác định việc ông S còn thiếu nợ của vật liệu xây dựng TD 70.000.000 đồng tiền mua bán là sự thật do đó xác định yêu cầu khởi kiện của vật liệu xây dựng TD là có căn cứ.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ hợp đồng mua bán nên căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự cần buộc ông S phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ 70.000.000 đồng cho hộ vật liệu xây dựng TD là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Ngoài tiền nợ mua bán, vật liệu xây dựng TD còn yêu cầu ông S trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày thanh toán xong số nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, trong quá trình mua bán các bên chỉ xác lập các "Phiếu xuất kho kiêm bán hàng" có chữ ký xác nhận của bên mua, nội dung các Phiếu xuất kho kiêm bán hàng này chỉ thể hiện tên hàng hoá mua bán và số tiền mà không thể hiện có thoả thuận tính lãi chậm trả. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được áp dụng là 10%/năm (50% x 20%/năm= 10%/năm). Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn cũng yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất là 10%/năm.

Như vậy, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử là ngày 27/5/2024 với thời gian chậm trả là (04 năm + 09 tháng + 26 ngày), tiền lãi được tính như sau:

70.000.000 đồng x 10%/năm x (04 năm + 09 tháng + 26 ngày) = 33.748.629 đồng.

Tổng cộng số tiền mà ông S phải thanh toán cho hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD tính đến ngày 27/5/2024 gồm: 70.000.000 đồng (nợ mua bán) + 33.748.629 đồng (tiền lãi chậm trả) = 103.748.629 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 103.748.629 đồng x 5% = 5.187.431 đồng.

Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 2.957.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh T – Đại diện hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD.

1. Buộc ông Phan Văn S phải trả cho Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 103.748.629 đồng (Một trăm linh ba triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng), trong đó bao gồm 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ mua bán và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 33.748.629 đồng (Ba mươi ba triệu, bảy trăm bốn mười tám nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí vụ kiện:

Ông Phan Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.187.431 đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi mốt đồng).

Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD được hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 2.957.500 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009155 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/5/2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm